

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

S. G.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 -07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 -10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Ngọc Minh Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 26/09/2011)
Bà Quách Lệ Dung Chủ tịch (bỏ nhiệm từ ngày 27/09/2011)
Ông Lê Thành Nam Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 26/09/2011)
Ông Trần Thuận Hòa Ủy viên (bỏ nhiệm từ ngày 26/09/2011)
Ông Bùi Văn Nghĩa Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Anh Đào Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 05/09/2011)
Ông Nguyễn Tiến Sĩ Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 05/09/2011)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 04 đến trang 19).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ý KIẾN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *kh*



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2012

Số: 64/HDKT2011

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011***Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hồng Bàng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 (gọi chung là "báo cáo tài chính"), đính kèm từ trang 04 đến trang 19.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt kiểm toán. Báo cáo kiểm toán được phát hành vào ngày 07/03/2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại

**Nguyễn Nhân Bào**
Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

**Thay mặt và đại diện CÔNG TY TNHH KIỂM
TOÁN VIỆT NHẤT****Phan Thị Thủy Tiên**
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		13.007.422.362	22.983.961.310
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	12.374.529.776	9.684.149.595
1. Tiền	111		874.529.776	9.684.149.595
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	492.567.269	11.673.778.715
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	44.056.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		196.678.669	3.658.570.772
5. Các khoản phải thu khác	138		295.888.600	7.971.151.943
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.3	140.325.317	1.626.033.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.325.317	22.033.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		139.000.000	1.604.000.000

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		9.198.103.758	9.913.206.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.997.354.111	7.094.095.411
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	3.825.320.516	4.368.004.414
- Nguyên giá	222		4.758.491.088	4.806.461.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(933.170.572)	(438.456.824)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	4.172.033.595	2.726.090.997
- Nguyên giá	228		4.952.957.400	2.973.520.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(780.923.805)	(247.429.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.200.749.647	2.819.111.459
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	843.230.656	2.501.686.640
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	4.7	165.238.991	125.144.819
4. Tài sản dài hạn khác	268	4.8	192.280.000	192.280.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.205.526.120	32.897.168.180

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.665.167.236	4.492.575.468
I. Nợ ngắn hạn	310	4.9	1.665.167.236	4.492.575.468
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	127.784.372
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		12.944.701	265.484.751
5. Phải trả người lao động	315		20.501.310	10.625.000
6. Chi phí phải trả	316		-	246.800.300
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		252.745.137	2.733.688.142
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.407.802	200
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		1.377.568.286	1.108.192.703
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		20.540.358.884	28.404.592.712
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.10	20.540.358.884	28.404.592.712
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(14.459.641.116)	(6.595.407.288)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		22.205.526.120	32.897.168.180

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại			-
- USD		-	50,00
6. Chứng khoán lưu ký			-
6.1 Chứng khoán giao dịch		54.472.090.000	62.338.910.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		510.000.000	747.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố			-
6.4 Chứng khoán tạm giữ			-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		375.200.000	1.090.800.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút			-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		500.000	375.800.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay			-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch			-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết			-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng			-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán			-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá			-



Lê Thị Anh Đào

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2012

Trần Thị Thu Nga

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	5.1	2.184.072.209	3.646.255.182
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		262.978.457	746.784.876
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		1.921.093.752	2.899.470.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		2.184.072.209	3.646.255.182
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	5.2	4.022.042.294	4.244.638.803
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(1.732.095.085)	(598.383.621)
6. Chi phí quản lý	25	5.3	6.151.861.743	5.997.023.667
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		(7.989.831.828)	(6.595.407.288)
8. Thu nhập khác	31	5.4	125.598.000	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		125.598.000	-
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(7.864.233.828)	(6.595.407.288)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.5	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(7.864.233.828)	(6.595.407.288)



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(7.864.233.828)	(6.595.407.288)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.042.036.123	685.886.727
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.129.732.220)	(2.899.470.306)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.951.929.925)	(8.808.990.867)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		12.646.211.446	(12.999.196.734)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.867.502.404)	2.483.391.521
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.549.163.667	639.989.190
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.375.942.784	(18.684.806.890)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.871.336.500)	(2.617.255.828)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.185.773.897	2.899.470.306
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(685.562.603)	282.214.478

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.690.380.181	(18.402.592.412)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.684.149.595	28.086.742.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		12.374.529.776	9.684.149.595



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng được thành lập theo Giấy phép số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và giấy phép điều chỉnh số 53/GPDC-UBCK ngày 23/09/2011. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau :

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25/03/2009 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09/10/2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lầu 1, Tòa nhà số 144, đường Châu Văn Liêm, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ : 35.000.000.000 VND.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	08

3.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

3.6 Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 16% và trừ lương cán bộ công nhân viên 6%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.10 Ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện :

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.11 Chi phí thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	-	10.812.219
Tiền gửi ngân hàng	869.993.577	9.126.782.797
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	4.536.199	546.554.579
Các khoản tương đương tiền	11.500.000.000 (*)	
Cộng	12.374.529.776	9.684.149.595

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng ở Ngân hàng Thương mại cổ phần Đệ Nhất.

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán	-	44.056.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	196.678.669 (a)	3.658.570.772
Các khoản phải thu khác	295.888.600 (b)	7.971.151.943
Cộng	492.567.269	11.673.778.715

(a) Chủ yếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sở giao dịch chứng khoán	190.514.000	1.684.276.000

(b) Bao gồm:

Ngân hàng TMCP Đệ Nhất (Lãi tiền gửi có kỳ hạn)	115.888.600
Phải thu tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc	180.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.3 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.325.317	22.033.000
Tạm ứng của nhân viên Công ty	139.000.000	1.604.000.000
Cộng	140.325.317	1.626.033.000

4.4 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.166.950.667	2.692.892.656	946.617.915	4.806.461.238
Tăng trong năm	-	21.900.000	-	21.900.000
Mua sắm		21.900.000		21.900.000
Giảm trong năm	-	(69.870.150)	-	(69.870.150)
Thanh lý		(69.870.150)		(69.870.150)
Số dư cuối kỳ	1.166.950.667	2.644.922.506	946.617.915	4.758.491.088
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	110.559.117	212.867.198	115.030.509	438.456.824
Tăng trong năm	118.349.359	384.244.204	5.948.652	508.542.215
Khấu hao	118.349.359	384.244.204	5.948.652	508.542.215
Giảm trong năm	-	(13.828.467)	-	(13.828.467)
Thanh lý		(13.828.467)		(13.828.467)
Số dư cuối kỳ	228.908.476	583.282.935	120.979.161	933.170.572
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1.056.391.550	2.480.025.458	831.587.406	4.368.004.414
Số dư cuối kỳ	938.042.191	2.061.639.571	825.638.754	3.825.320.516

4.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình	Phần mềm quản lý	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.938.498.900	35.022.000	2.973.520.900
Tăng trong năm	1.979.436.500	-	1.979.436.500
Mua sắm	1.849.436.500		1.849.436.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phân loại	130.000.000		130.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	246.335.466	1.094.438	247.429.904
Tăng trong năm	529.116.151	4.377.750	533.493.901
Khấu hao trong năm	480.366.151	4.377.750	533.493.901
Phân loại	48.750.000	-	48.750.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	775.451.617	5.472.188	780.923.805
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.693.210.217	32.880.780	2.726.090.997
Số dư cuối kỳ	4.142.483.783	29.549.812	4.172.033.595

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	843.230.656 (*)	2.501.686.640
Cộng	843.230.656	2.501.686.640

(*) Chi phí thành lập doanh nghiệp là các chi phí phát sinh trước khi được cấp giấy chứng nhận là thành viên của sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Toàn bộ chi phí này được phân bổ trong 3 năm (bắt đầu từ năm 2010).

4.7 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	125.144.819	125.144.819
Tiền nộp bổ sung hàng năm	40.094.172	-
Cộng	165.238.991	125.144.819

4.8 Tài sản dài hạn khác

192.280.000

Là khoản đặt cọc cho ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương về việc thuê văn phòng tại số 144 Châu Văn Liêm, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.9 Nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán	-	127.784.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.944.701		265.484.751
Phải trả người lao động	20.501.310		10.625.000
Chi phí phải trả	-		246.800.300
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	252.745.137	(a)	2.733.688.142
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.407.802		200
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.377.568.286	(b)	1.108.192.703
Cộng	1.665.167.236		4.492.575.468

(a) Tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán.

(b) Chủ yếu :

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (Chi phí thuê mặt bằng)	500.000.000	-
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	672.609.161	1.105.501.452

4.10 Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(6.595.407.288)	(6.595.407.288)
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	(6.595.407.288)	28.404.592.712
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	(7.864.233.823)	(7.864.233.823)
Số dư cuối năm nay	35.000.000.000	(14.459.641.116)	20.540.358.884

Vốn điều lệ và vốn pháp định

Theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP, vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông như sau :

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn thực tế đã góp	
	VND	%	31/12/2011	31/12/2010
Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương	5.000.000.000	14,29	5.000.000.000	5.000.000.000
Bùi Văn Nghĩa	1.800.000.000	5,14	3.600.000.000	1.800.000.000
Bùi Minh Tấn	1.800.000.000	5,14	1.800.000.000	1.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyễn Tuấn Anh	1.800.000.000	5,14	-	1.800.000.000
Các cổ đông khác	24.600.000.000	70,29	24.600.000.000	24.600.000.000
Cộng	35.000.000.000	100	35.000.000.000	35.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	262.978.457	746.784.876
Doanh thu về vốn kinh doanh	1.921.093.752	2.899.470.306
Cộng	2.184.072.209	3.646.255.182

5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	508.369.722	658.903.992
Chi phí nhân viên	1.719.835.252	2.059.263.701
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	34.021.146	36.316.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	837.975.506	554.349.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	918.215.168	935.804.897
Chi phí bằng tiền khác	3.625.500	-
Cộng	4.022.042.294	4.244.638.803

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.793.151.708	3.805.178.302
Chi phí vật liệu quản lý	847.800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đồ dùng văn phòng	53.790.157	85.138.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.310.611	131.537.098
Thuế, phí và lệ phí	15.120.709	23.863.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.077.267.279	1.951.306.198
Chi phí bằng tiền khác	56.373.479	-
Cộng	6.151.861.743	5.997.023.667

5.4 Thu nhập khác 125.598.000

Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả cho Công ty Cổ phần dịch vụ phần mềm và CNTT UNICOM

5.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
- Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(7.864.233.828)	(6.595.407.288)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 01 năm 2012